



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÀNG AN  
Trang An Securities Joint Stock Company

Trụ sở chính: Tầng 9 – 59 Quang Trung – Hai Bà Trưng – HN



**Báo cáo này được thực hiện bởi:**

Chuyên viên phân tích: Nguyễn Thị Thanh

Email: [thangnt@tas.com.vn](mailto:thangnt@tas.com.vn)

Phòng nghiên cứu và đầu tư

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trảng An

Ngày báo cáo: 11/4/2008

Báo cáo này được thực hiện bởi Công ty Chứng khoán Trảng An (TAS). Mặc dù Báo cáo này được thu thập từ những nguồn thông tin đáng tin cậy, nhưng TAS không có nghĩa vụ và không chịu trách nhiệm về tính chính xác hay tính đầy đủ của thông tin trong Báo cáo này.

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH  
C PHÍ U NGÀNH NGÂN HÀNG**

**A. T NG QUAN V NGÀNH NGÂN HÀNG VI T NAM**

**1. Quá trình hình thành và phát triển.**

Ngành Ngân hàng Việt Nam đã có một quá trình phát triển tuy không phải là dài so với các nước trên thế giới nhưng đã chứng kiến nhiều sự thay đổi. Nhìn toàn cục, sự phát triển của ngành Ngân hàng Việt Nam có những nét chính sau:

Trước năm 1990, hệ thống Ngân hàng Việt Nam là hệ thống 1 cấp có nghĩa là không có sự tách biệt giữa các ngân hàng quốc lý và các ngân hàng kinh doanh, Ngân hàng nhà nước thống nhất là Ngân hàng thống nhất và độc lập. Đây là kết quả của một nền kinh tế tập trung, trong đó cấp phát vốn là nhiệm vụ cơ bản của hệ thống Ngân hàng.

Sau năm 1986, nhằm khuyến khích và công cụ cải thiện, ngành Ngân hàng cũng như các yêu cầu phải thay đổi và tháng 5/1990, hai pháp lệnh Ngân hàng ra đời (Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Pháp lệnh Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính) đã chính thức chuyển đổi hệ thống Ngân hàng Việt Nam từ 1 cấp sang 2 cấp - Trong đó lần đầu tiên đặt nhiệm vụ và mục tiêu hoạt động của các cấp - cuối cùng pháp phân biệt rõ ràng:

- Ngân hàng Nhà nước thực thi nhiệm vụ Quản lý nhà nước và hoạt động kinh doanh tín dụng, thanh toán, ngoại hối và ngân hàng; Thực thi nhiệm vụ của Ngân hàng Trung ương - là ngân hàng duy nhất phát hành tiền; Là ngân hàng của các ngân hàng và là Ngân hàng của Nhà nước; NHTW là quan trọng nhất vì có vai trò hành chính sách tín dụng, lý nhiệm vụ giữ gìn giá trị tiền làm mục tiêu chủ yếu và chi phối nền các chính sách tài hành của hệ thống các ngân hàng cấp 2.

- Cấp Ngân hàng kinh doanh thu nhập và lưu thông tín dụng, tín dụng, thanh toán, ngoại hối và dịch vụ ngân hàng trong toàn nền kinh tế quốc dân do các ngân hàng tài chính Ngân hàng và phi ngân hàng thực hiện.

Cho đến thời điểm hiện nay, hệ thống ngân hàng Việt Nam là nhân tố nòng cốt, tích cực trong việc huy động vốn phục vụ cho sự phát triển nền kinh tế bên cạnh mặt

kênh huy động vốn đang trở lại nhằm là thành công cho ngành. Với sự phát triển của hệ thống Ngân hàng thương mại (NHTM), nền văn minh tín dụng Việt Nam đã tạo nên bước chuyển đổi thông qua tính toán giá trị, tính đa dạng và phân bổ tín dụng thanh toán thay tín dụng và không ngừng hoàn thiện các công nghệ và hành vi kinh doanh hiện đại và các nhu cầu tín dụng cá nhân và tập thể.

Có lẽ chưa bao giờ trong lịch sử nền kinh tế Việt Nam, ngành Ngân hàng có sự phát triển mạnh mẽ như bây giờ. Sự tăng lên nhanh chóng và sôi động của các Ngân hàng, quy mô vốn đầu tư, mạng lưới giao dịch đã cho thấy rõ rệt. Nhìn chung thì trên thị trường Ngân hàng Việt Nam hiện nay, các Ngân hàng thương mại quốc doanh vẫn chỉ đóng vai trò chủ đạo trên nhu cầu hoạt động. Tuy nhiên, sự trỗi dậy mạnh mẽ của các Ngân hàng thương mại cổ phần và trong tương lai là các Ngân hàng 100% vốn nước ngoài đã và đang đóng vai trò này. Ngành Ngân hàng đã và đang có những đóng góp hết sức to lớn cho sự phát triển của nền kinh tế quốc dân và bản thân kinh doanh Ngân hàng đã và đang đem lại những khoản lợi nhuận khổng lồ cho các ông chủ Nhà băng, những nhà đầu tư và các nhà quản lý. Tuy nhiên, kinh doanh của ngành Ngân hàng Việt Nam, cần thiết phải có một đánh giá đúng đắn và dựa trên các số liệu đáng tin cậy.

## 2. Sự tăng trưởng của ngân hàng thương mại qua các năm.

N m	1991	1993	1995	1997	1999	2001	2005	2006	2007
NHTMLD	1	3	4	4	4	4	4	5	5
NHTMQD	4	4	4	5	5	5	5	5	4
CNNHTMNN	0	8	18	24	26	26	29	31	35
NHTMCP	4	41	48	51	48	39	37	34	35

(Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam-SBV)

Tính đến hết năm 2007, trên thị trường NHTM Việt Nam có 4 NHTMQD, 35 NHTMCP (Do cuối năm 2007 Vietcombank chuyển sang ngân hàng thương mại cổ phần), 5 NHTM liên doanh và 35 chi nhánh NHTM nước ngoài. Cuối năm 2007, NHNNVN đã chấp thuận và phê duyệt thành lập ngân hàng cổ phần FPT, Liên Việt, Tài chính đầu tư, B o Việt. Chúng ta có thể thấy sự sôi động

NHTMCP Việt Nam tăng vọt trong giai đoạn năm 1991-1993, tăng 4 NH lên 41 NH, các năm sau đó số lượng các NHTCP tiếp tục tăng lên và tính đến năm 1997 là 51 NHTMCP. Sau đó một số NHTMCP do hoạt động không hiệu quả và bị phá sản, bị mua lại, dẫn đến số lượng các NHTMCP giảm xuống và tính đến năm 2007, số lượng NHTMCP đang đăng ký còn 35. Các chi nhánh NHTM ngoài thì có số lượng ngày càng tăng lên cùng với sự mở rộng và hình thành sâu rộng của nền kinh tế Việt Nam, tính đến năm 2007, số lượng các chi nhánh NHTMNN đã tăng 35. Năm 2006, với xuất hiện của NHLD Việt-Nga, số lượng NHLD tăng từ 4 lên 5 NHLD. Như vậy, tính đến năm 2007, các NHTMCP và chi nhánh NHTM ngoài đang đứng đầu số lượng. Các NHTMQD và NHTM LD tuy không có số lượng vượt trội nhưng xét về thanh khoản huy động vốn và cho vay, các NHTMQD vốn đang đứng đầu trên thị trường.

## **B. THỰC TRẠNG NGÀNH NGÂN HÀNG HIỆN NAY.**

### **1. Quy mô vốn i ul .**

Năm 2006 và năm 2007 là khoảng thời gian mà rất nhiều Ngân hàng tham gia đổ vốn vào cuộc đua tăng vốn i ul . Căn cứ tăng vốn i ul này là hậu quả của sự bùng nổ của thị trường chứng khoán niêm yết và OTC mà trong đó các phi vụ Ngân hàng có ảnh hưởng là một trong các mặt hàng của các nhà đầu tư lớn như nhà đầu tư. Ngoài ra cùng với việc quy định mới của NHNN, yếu tố cạnh tranh trên thị trường đã làm cho việc tăng vốn i ul của nhiều Ngân hàng trở nên cấp thiết.

Trong năm 2007, hàng loạt ngân hàng đã thực hiện việc tăng vốn i ul như: STB tăng 2,089 tỷ đồng lên 4,448 tỷ đồng với mức tăng 112.92%, VIBank và Habubank tăng từ 1,000 tỷ đồng lên 2,000 tỷ đồng, Eximbank tăng 1,212 tỷ đồng lên 2,800 tỷ đồng với mức tăng là 130.95%....

Vào tháng 4/2007, trước tình trạng hàng loạt ngân hàng cạnh tranh đua nhau tăng vốn, NHNN đã phê duyệt ban hành Văn bản 3103 nhằm kiểm soát chặt chẽ việc tăng vốn này. Nhờ sự thắt chặt cạnh tranh ngày càng lớn, các ngân hàng cạnh tranh vốn phải tìm kiếm cách tăng vốn, phát hành cổ phiếu mới...trong thời gian này, vốn ít ỏi ngành đã chấp nhận mất mát trong cuộc đua giành thị phần và khách hàng rất đáng kể hiện nay.

T i c u i n m 2008, quy nh v n i u l t i thi u c a m i ngân hàng là 1.000 t ng, sau ngày 31/12/2008, t t c các ng viên ph i có v n i u l t 3.000 t ng tr lên. Trong s nh ng ngân hàng v a m i c c p phép ã có n v có m c v n i u l v t c con s quy nh cho th i i m c u i n m 2008. ây c ng là m t lý do khi n các ngân hàng c ph n " àn anh" ph i t ng t c nâng v n i u l , n u không mu n b ngân hàng " àn em" qua m t.

**V n i u l c a các ngân hàng th ng m i 2 n m 2006&2007**

STT	Ngân hàng	V n i u l		T l (%)
		2006	2007	
1	Vietcombank	4,356,737	15,000,000	244.29
2	BIDV	4,077,401	7,699,147	88.82
3	ACB	1,100,047	2,630,059	139.08
4	STB	2,089,413	4,448,814	112.92
5	Habubank	1,000,000	2,000,000	100
6	VPBank	756,160	2,000,000	164.49
7	Eximbank	1,212,371	2,800,000	130.95
8	VIBank	1,000,000	2,000,000	100
9	SCB	600,000	1,970,000	228.33

(S li u d a trên BC KT trong BCTC n m 2007 c a các NHTM)

Hi n t i, nhi u ngân hàng v n ang lên k ho ch nâng v n i u l , b i v n i u l ang là v n m u ch t gi i quy t nhi u bài toán khác.

Trong n m 2008 này, Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) d nh s t ng v n t 2.630 t ng hi n t i lên 6.355 t ng, m c t ng 142%; Ngân hàng TMCP Xu t nh p kh u Vi t Nam (Eximbank) s t ng t 2.800 t ng lên t i thi u 5.300 t ng (và có th t ng lên 7.380 t ng), m c t ng t t 90% - 164%; Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th ng tín (STB) s t ng t 4.449 t ng lên 6.048 t ng...

i h i ng c ông OceanBank c ng quy t nh, cu i n m 2008 s t ng v n i u l lên 3.000 t ng. Ngân hàng TMCP Quân i d ki n t ng thêm v n i u l t i thi u là 1.400 t ng, t 3.400 t ng vào cu i n m 2008. GPBank c ng cho bi t,

d ki n v n i u l c a ngân hàng này n m 2008 c ng t ng lên ít nh t là g p ôi n m 2007 (1.000 t ng).

Nh ng con s trên là th p n u so v i m t s NHTM trong khu v c nh : n h t 2006, Ngân hàng DBS (Singapore) có v n i u l là 4,04 t USD, Maybank (Malaysia): 15,352 t USD, BPI (Philippine): 585 tri u USD; BNI (Indonesia) là 750 tri u USD...

Vi c t ng v n i u l Ngân hàng là c n thi t vì nhìn chung, các NH Vi t Nam có quy mô v n i u l v n còn khá khiêm t n so v i các NH trong khu v c và trên th gi i. T ng v n i u l s giúp các NH có ngu n l c hi n i hoá công ngh , m r ng m ng l i, chiêu m i ng nhân l c t t và t c hi u qu kinh doanh cao h n.

Tuy nhiên, trong b i c nh nh hi n nay, vi c huy ng v n ang là bài toán khó cho các ngân hàng. Hàng hóa vào th tr ng ngày m t nhi u và ch t l ng t t, khi n các nhà u t ph i ch n l a r t k c àng tìm n i b v n hi u qu , thay vì t mua vào nh tr c. Xu h ng ch y theo phong trào trong mua bán ch ng khoán c ng d n c lo i b , nhà u t không còn li u l nh nh tr c là h t t i n vào c phi u c a các ngành c coi là "nóng". H n n a, quá nhi u ngân hàng m i ra i ã khi n c phi u ngân hàng không còn là món hàng khan hi m. Các chuyên gia kinh t cho r ng, th i k c phi u c a m t ngân hàng m i thành l p c ng c "hét" v i giá trên mây ã qua và s không l p l i.

Vi c t ng v n i u l ph i c g n l i n v i k ho ch t o ra ngu n l i nhu n m b o t ng ng v i s t ng lên c a v n i u l , n u không thì vi c t ng v n i u l s gây ra áp l c l i nhu n, c t c r t l n lên các nhà i u hành. V nguyên t c, c t c n m sau th ng không c th p h n n m tr c, do v y n u t ng v n i u l mà m c t ng l i nhu n không b ng thì thu nh p trên m i c ph n gi m xu ng và ây là s s t gi m hi u qu ho t ng kinh doanh.

## **2. L i nhu n ngành ngân hàng.**

Theo NHNN, n m 2006 là n m các NHTM t m c sinh l i r t cao, t l l i r òng trên v n t có bình quân 17-18%. Cùng v i nó là t c t ng tr ng l i nhu n n chóng m t c a các NHTM. Có nh ng ngân hàng l i nhu n n m 2006 so v i 2005 t ng



h n g p ôi nh NH Ngo i th ng, NH Nông nghi p, NHTMCP VP Bank, Sài Gòn th ng tín, ông Nam Á, An Bình, Nam Vi t, Ph ng Nam,...

Ti p theo à c a n m 2006, n m 2007 kh i ngân hàng th ng m i ti p t c g t hái thành công v l i nhu n. H u h t các thành viên u v t xa k ho ch t ra u n m. ACB t 1,769 t ng l i nhu n sau thu v i t l t ng t ng ng so v i n m 2006 là 168.59%, STB t 1,280 t ng v i t l t ng 172% so v i n m 2006, Eximbank c ng có c l k t qu h t s c kh quan v i 463 t l i nhu n sau thu t ng g n 205 t so v i n m tr c, BIDV v i l i nhu n t c là 1,258 t t ng h n 2 l n so v i 2006,...

V trí ngành ngân hàng g n bó m t thi t v i di n b i n v mô n n kinh t , b i v y khi n n kinh t t ng tr ng nhanh c ng ã em n nh ng k t qu l i nhu n t t p cho ngành ngân hàng. T ng tr ng đ n tín đ ng n m 2007 t 38-40%, g p g n 2 l n so v i đ báo h i u n m. Trong n m 2007, các ngân h àng ã m nh tay cho vay ch ng khoán và b t ng s n. L i nhu n t hai m ng tín đ ng n ày ã óng góp m t ph n không nh vào t ng l i nhu n c a ngân hàng trong n m 2007. Ph n l n l i nhu n c a các ngân hàng th ng m i Vi t Nam v n ch y u đ a vào chênh l ch gi a lãi su t cho vay và lãi su t huy ng v n. Dù trong n m 2007, các ngân hàng ã n l c m r ng m ng l i, a đ ng s n ph m-d ch v nh ng t c nh ng con s l i nhu n n t ng nh trên thì ho t ng tín đ ng v n gi vai trò ch o. Tuy nhiên sang 2008, ngu n v n cho vay b t ng s n và u t ch ng khoán ang b si t ch t, l m phát ang gia t ng và n n kinh t th gi i ang g p nh ng khó kh n thì k ho ch l i nhu n mà các ngân hàng t ra khi b c sang n m m i s b nh h ng r t nhi u. Khi u tiên hàng u c a n n kinh t Vi t Nam hi n nay là ch ng l m phát thì các ngân hàng s là n i " u s óng, ng n gió" v i s tác ng tr c ti p t các chính sách th t ch t t i n t , c ng nh các khó kh n n t phía khách hàng. S gi m giá quá m nh c a các c phí u ngân hàng th i gian v a qua là do th tr ng, nh ng nó c ng nh m t s ánh giá r ng các khó kh n m i ch b t u trong l nh v c m i nh n c a n n kinh t này. Chính vì v y mà khác v i s h h i cu i n m 2007, ch sau g n 3 tháng nhi u ngân hàng ã ph i i u ch nh k ho ch l i nhu n n m 2008 trong k HC v a di n ra. Ch ng h n nh , k ho ch l i nhu n tr c thu n m 2008 c a Ngân hàng ACB là 2.500 t ng (n m 2007 t 2.000 t ng), thay vì 2.800 t ng

nh d ki n tr c ó. Còn Sacombank gi m k ho ch l i nhu n xu ng còn 2.000 t ng (n m 2007 t 1.450 t ng), thay cho m c tiêu 2.500 t ng a ra h i cu i n m 2007, khi th tr ng ch a xu t hi n nh ng khó kh n. V i Eximbank, m c dù nhi u l n kh ng nh s duy trì m c l i nhu n t ra c n m 2008 là 1.500 t ng (n m 2007 t 700 t ng), nh ng sau 2 tháng v i nhi u bi n ng trên th tr ng ti n t , trong HC ngày 21/3, Eximbank ã ph i i u ch nh xu ng còn 1.300 t ng.

M t s ngân hàng có quy mô v a và nh c ng nhanh chóng i u ch nh m c tiêu l i nhu n tr c thu trong n m nay, nh : ABBank gi m t 555 t ng xu ng h n 500 t ng; k ho ch c a VietA Bank là t 290 t ng (n m 2007 t 200 t ng); HDBank d ki n t 280 t ng; DongA Bank d ki n t 800 t ng (t ng 76% so v i n m 2007)...

So v i k ho ch d ki n ban u, hi n h u h t ngân hàng ã i u ch nh m c l i nhu n d ki n trong n m 2008 xu ng kho ng 20 - 30%. Nh ng ngay c nh v y, con s l i nhu n sau khi i u ch nh c ng không còn d dàng i v i nhi u ngân hàng. V i n u th tr ng ti n t v n ti p t c đi n bi n ph c t p nh th i gian v a qua thì chính sách th t ch t tín d ng s ti p t c c áp d ng ki m ch l m phát. Tuy nhiên ngành ngân hàng Vi t Nam v n còn r t ti m n ng và ho t ng ngành ngân hàng không ch là huy ng v n và cho vay. B i v y n u m t ngân hàng bi t qu n tr và i u hành t t thì v i c tìm ngu n l i nhu n không ch h n ch t m t l nh v c d ch v nào mà b ng nhi u cách khai thác khác nhau.

### **3. T ng tr ng huy ng v n và cho vay t bi n.**

#### **a. T ng tr ng tín d ng quá nóng.**

S c nóng báo ng c a t c t ng tr ng tín d ng n m 2007( lên t i 38-40%/n m) ã ph n nào nh h ng n n n kinh t , bu c NHNN ph i a ra m c tiêu kh ng ch d i m c 30% trong n m nay. Trong n m 2007, tín d ng c a các ngân hàng ã t ng tr ng quá nhanh c bi t là 6 tháng cu i n m. Chênh l ch thu chi c a các NHTMCP n m 2007 t cao nh t toàn h th ng, kho ng g n 8.000 t ng, g p ôi n m 2006. Thu nh p cao ch y u nh t ng t c d n , 82,3% thu nh p c a kh i này là lãi cho vay.



T n m 2007 n nay, các NHTMCP t ng quy mô tín d ng l n cao m c ch a t ng th y. Kh i NHTMCP Hà N i d n n m 2007 t ng 126% so n m 2006 (trong khi kh i NHTMNN ch t ng 25%).

T i TPHCM, ch riêng trong tháng 12.2007 d n kh i c ph n t ng 14,2% so v i tháng tr c. Riêng tháng 1.2008 t ng t i 13,2% so v i cu i 2007. i u không bình th ng ây là d n c a nhi u NHTMCP không h ng v n vào các d án u t có hi u qu mà ch y u ch vào các l nh v c phi s n xu t nh CK, B S, vàng. ây là nh ng l nh v c trong n m 2007 và u 2008 r t nhi u bi n ng, ti m n r i ro mà ch các NH có n ng l c tài chính m nh và c c u u t a d ng m i ch u c. Tr c s c t ng quá nóng c a v i c cho vay ch ng khoán, ng ày 28/06/2007, NHNN ã ban hành ch th 03 v h n m c cho vay ch ng khoán m c 3%/ t ng d n tín d ng. Tuy nhiên do khó có th b t ng i vay tr n tr c h n, nên nhi u ngân hàng ã c g ng y m nh d n tín d ng a t l d n c m c ch ng khoán v m c quy nh. i u này càng khi n cho d n tín d ng c a ngân hàng t ng nóng. T i a bàn TP.HCM, ch có 7/17 ngân hàng c ph n có t l d n tín d ng so v i t ng huy ng v n d i 100%, còn l i u trên 100%. Trong ó, có 6 ngân hàng có t l d n tín d ng so v i huy ng v n 130 - 267%. i u này có ngh a là ngu n v n huy ng t các t ch c kinh t và ng i dân u c ngân hàng tri t s d ng. S v n còn l i (t l d n tín d ng so v i huy ng v t 100%) c các ngân hàng s d ng v n trên th tr ng liên ngân hàng cho vay. V i c s d ng ngu n v n trên th tr ng liên ngân hàng cho vay tr c ti p vào n n kinh t , rõ ràng ã có tác ng nh t nh n quá trình khai thác và s d ng v n c a h th ng, làm gi m tính thanh kho n v n c a các ngân hàng.

*b. C nh tranh lãi su t huy ng.*

V i c t ng tr ng quá cao d n tín d ng c a các ngân hàng th ng m i trong các tháng cu i n m 2007 ã d n n áp l c nhu c u v n r t l n. M t s NHTMCP có bi u hi n thi u h t thanh kho n. Trong khi ó l m phát ang là m i lo ng i l n nh t c a n n kinh t V i t Nam lúc này. S li u c công b chính th c là 12,63% trong n m 2007 và 9,16% trong 3 tháng u n m n m 2008. Chính vì v y th c hi n m c tiêu ki m ch l m phát, ch trong 3 tu n u tháng 2/2008, các Ngân hàng th ng

m i (NHTM) ph i th c hi n ng th i nhi u quy t nh th t ch t i u h ành chính sách ti n t c a Ngân hàng nhà n c.

- T ng t l d tr b t bu c t 10% lên 11% , m r ng thêm ph m vi ti n g i d tr b t bu c và NH Nông nghi p & Phát tri n Nông thôn c ng ph i th c hi n t l d tr b t bu c m i. Theo ó t u tháng 2/2008 t ng c ng có g n 20.000 t ng các NHTM ph i n p d tr b t bu c t ng thêm cho NHNN.

- Ngày 15/2/2008 NHNN công b quy t nh phát hành 20.300 t ng tín phi u NHNN b t bu c. Ba NHTM Nhà n c có quy mô l n nh t m i ngân hàng ph i mua t i 3.000 t ng. Hai NHTM c ph n thu c t p ng u ph i mua 1.200 t ng v à 1.500 t ng. Các NHTM c ph n thu c nhóm gi a ph i mua 400 - 500 t ng/ngân hàng. Kh i Ngân hàng n c ngoài có 9 chi nhánh ph i mua t 100 t ng n 400 t ng. Hai ngân hàng liên doanh ph i mua 150 t ng/ngân hàng. Không ch nh ng v y, các NH ph i mua 20.300 t ng trái phi u cùng m t lúc, g p t 20 n 40 l n so v i m c 500 t - 1.000 t ng tín phi u trong các phiên u th u th ng k .

i u c bi t n a, n u nh các lo i tín phi u tr c ây c giao d ch trên th tr ng m v i NHNN c vay tái c p v n thì quy t nh l n này NHNN nói rõ là không c vay tái c p v n. Do ó các NHTM khi thi u h t t m th i thanh kho n không th s d ng tín phi u mình ang s h u vay tái c p v n ng n h n 1-2 tu n t i NHNN. K h n c a tín phi u l i khá dài t i 364 ngày, hay g n 1 n m.

- Các lo i lãi su t ch o c a NHNN t ng cao h n tr c. Theo ó, lãi su t c b n t ng t 8,25%/n m lên 8,75%/n m; lãi su t tái c p v n t ng t 6,5%/n m lên 7,5%/n m và lãi su t chi t kh u t ng t 4,5%/n m lên 6,0%/n m.

Cùng m t lúc các ngân hàng ã ph i ón nh n nhi u chính sách t NHNN, b i v y nhi u ngân hàng ng tr c kh n ng thi u h t tr m tr ng v ti n m t ã ph i d ng vi c cho vay B S, Ch ng khoán ho c cho vay r t h n ch do không còn ti n b m vào nh ng th tr ng này. Ngoài ra, s thi u h t v v n ã y các ngân hàng vào cu c ch y u a t ng lãi su t huy ng v n. Trên th tr ng ti n t các NHTM liên t c bám u i nhau t ng lãi su t huy ng v n n i t . Ch trong 1 tu n có m t s NHTM ã i u ch nh lãi su t t i 2-3 l n.

Ngày 20/2/2008, NHTM CP ông Nam Á (Sea Bank) công b bi u lãi su t m i c coi nh “m t qu bom” d i vào cu c ch y u a c nh tranh t ng lãi su t trên th

trên, với mức lãi là 12%/năm. Ngay sau đó NHTM công ty Sài Gòn - Hà Nội (SHB) đã ra công trình siêu lãi suất, với mức lãi suất cao nhất lên tới 12,5%/năm cho kỳ hạn 1 tháng. Không chịu thua, NHTM công ty Sài Gòn (SCB) đã ra mức lãi suất cao hơn, huy động vốn kỳ hạn 12 tháng với lãi suất tới 13%/năm. Mặt khác NHTM còn đã ra mức lãi suất cho thuê tới 1,2% - 1,3%/tháng để với khách hàng gửi tiền với kỳ hạn ngắn, hay giảm chi phí khách hàng rút tiền tại hàng tiền. Đây được coi là mức lãi suất cực kỳ nguy hiểm vì nó làm cho nhu cầu gửi tiền mức lãi suất lên quá cao cách đây 20 năm khi xảy ra cơn khủng hoảng 6.000 quỹ đầu tư và hoạt động xã hội đầu tư, trong thời kỳ lạm phát lên tới 200%-300% vào các năm 1987-1988 nay.

Tiếp theo, một phần nguyên nhân dẫn đến lạm phát và lạm phát được coi là một nguy hiểm khi lãi suất nghỉ ngơi và lãi suất liên ngân hàng tăng cao chóng mặt. Các mức lãi suất liên ngân hàng ngày 15/2/2008 lên tới 30,1%/năm; ngày 18/2/2008 lập một kỷ lục mới khi lên tới 33%/năm, ngày 19/2/2008 kỷ lục cao hơn nữa lên tới 43%/năm...

Trên thực tế ngân hàng bị ảnh hưởng bởi pháp luật NHNN đã phải có quy định về các NHTM không chỉ lãi suất huy động vốn không được vượt quá 12%/năm và kiểm soát chặt chẽ vì khuyến mãi sau lãi suất. Đầu tháng 4 này, các thành viên trong hội đồng Ngân hàng đã nhất trí thông qua lãi suất huy động mới với VND không quá 11%/năm và USD là 6%/năm. Đây sẽ là thách thức không nhỏ với ngân hàng hiện nay đang thi đua, kém thanh khoản.

*c. Ảnh hưởng tới ngành ngân hàng.*

Hiện nay, áp lực liên tục của nhu cầu NHTM Việt Nam về xu hướng phát triển chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất huy động vốn. Các khoản thu từ hoạt động dịch vụ là rất thấp. Vì thế với các ngân hàng đua nhau tăng lãi suất huy động vốn thì gian và qua sự cạnh tranh không nên kết quả kinh doanh năm 2008. Chênh lệch giữa lãi suất huy động và cho vay của các NH càng ngày càng thu hẹp lại. Tại TPHCM lãi suất cho vay ngắn hạn hiện tại từ 10,8%-13,85%/năm, trung, dài hạn 12,36%-15,48%/năm. Dù rằng hiện tại lãi suất huy động của các ngân hàng cùng nhau nhìn chung không vượt quá 11%/năm nhưng vẫn là khá cao so với các năm trước. Khi mà nhu cầu ngân hàng vốn còn dựa chính vào nguồn thu từ hoạt động tín dụng thì

có thể tỏ ra bất lợi như đối với các ngân hàng sử dụng phí tín dụng lãi suất cho vay. Nhưng đây lại không phải là mặt thuận lợi. Lãi suất cho vay cao sẽ tác động tiêu cực, trực tiếp vào các doanh nghiệp sản xuất. Khi mà lợi nhuận phát sinh tăng gia tăng, mà chi phí vào các ngân hàng tăng thì vì chi phí vay và lãi suất cao phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh có thể khiến cho doanh nghiệp làm ăn không có lãi và thậm chí là thua lỗ. Mặt bằng lãi suất cho vay trong nền kinh tế bấp bênh, làm tăng chi phí và tăng giá thành sản phẩm, dịch vụ, đẩy giá bán tăng lên, ... tác động tiêu cực đến giá trị trên thị trường. Riêng các doanh nghiệp, riêng các ngân hàng thì ngược lại và các Ngân hàng Nhà nước tăng lên. Tác động tổng thể tiêu cực đến kinh tế, do vậy làm cho ngành lao động.

Vì vậy bên cạnh việc các NHTM cần nỗ lực nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hành, phát huy các lợi thế của ngành ngân hàng, tỏ ra những nguồn thu không chỉ hỗ trợ tín dụng thì NHNN cũng cần kết hợp những biện pháp thực hiện chính sách tài chính, thực hiện chính sách tài khóa, quản lý có hiệu quả chính sách thuế, thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp - nông thôn. Chính sách thực hiện tài chính cần linh hoạt, có lộ trình và lộ trình thích hợp.

### **C. TÌNH HÌNH NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM VÀ SỰ CẠNH TRANH CỦA CÁC NGÂN HÀNG NỘI C NGOÀI.**

#### **1. Tình hình ngành ngân hàng Việt Nam.**

Trong một vài năm qua, ngành Ngân hàng Việt Nam đang ngày càng trở nên phát triển và không ít Ngân hàng nội địa đang bày tỏ ý định sáp nhập vào thị trường tài chính quốc tế. Hiện nay với dân số khoảng gần 85 triệu người và chỉ có khoảng 6% dân số có tài khoản Ngân hàng - một tỷ lệ thấp hơn rất nhiều so với chu kỳ trước thì các ngân hàng láng giềng Singapore tỷ lệ này là 95%, Malaysia 55% và Thái Lan chỉ 46%... khoảng 50% tổng lượng giao dịch sử dụng tiền mặt, 4 triệu người sử dụng thẻ tín dụng, thị trường Ngân hàng đang có ảnh hưởng là chưa khai thác hết tiềm năng. Nhìn vào Ngân hàng bán lẻ cũng cần xem là một mặt hạn chế “màu mỡ”. Những nghiên cứu thị trường gần đây cho thấy thu nhập bình quân người dân Tp HCM chỉ 1 triệu đồng, phần lớn có đóng góp nhiều cho nền kinh tế Việt Nam hiện tại vào khoảng 2.400 USD/năm (cao hơn gấp 3 lần thu nhập bình quân người dân Việt Nam). Số người có thu nhập cao Việt Nam tuy chưa nhiều nhưng đang ngày càng tăng lên, tỷ lệ dân số sống thành thị vào khoảng 25% là những yếu tố hỗ trợ

Ngân hàng có thể mở rộng. Công bố của Công ty Dịch vụ nghiên cứu toàn cầu McKinsey mới đây cho thấy, doanh số của lĩnh vực NH bán lẻ Việt Nam có thể tăng trưởng trên 25%/năm trong vòng 5 - 10 năm tới, mức tăng trưởng hàng đầu châu Á. Tốc độ tăng trưởng Việt Nam đang phát triển theo cấp số nhân, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 300%/năm, mức tăng trưởng vượt trội so với các ngân hàng khác. Theo báo cáo của McKinsey, ngân hàng Việt Nam đầu tư hiện chỉ chiếm 60% dân số Việt Nam, có quan hệ mật thiết với các ngân hàng số và internet banking, ông bà của họ. Chủ tịch kiêm CEO của HSBC tại Việt Nam, ông Thomas Tobin, cũng cho rằng có những dấu hiệu cho thấy sự chi tiêu ngày càng lớn của người dân Việt Nam.

Ông Stuart Tomlison, giám đốc Visa các thị trường Việt Nam, Campuchia và Lào cho biết, con số 1,2 triệu người tiêu dùng tiêu chuẩn kép (TTD) trên tổng số gần 7 triệu dân của 2 thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cho thấy tiềm năng rất lớn của thị trường tín dụng Việt Nam. Ngoài ra có khoảng 10,5 triệu người Việt Nam có thẻ ghi nợ ngân hàng và thẻ ghi nợ (debit card). Theo ông Tomlison “Tăng trưởng mức 70% mỗi năm và chỉ chiếm 68% thị trường chuyên ngành, như Visa Việt Nam còn rất nhiều cơ hội, với 1,46 tỷ người tiêu dùng tiềm năng, trong đó riêng châu Á-Thái Bình Dương đã là 300 triệu người tiêu dùng”

Tình hình con số trên và những nhân tố khác của các chuyên gia kinh tế nước ngoài có thể thấy rằng ngành ngân hàng Việt Nam vẫn còn là một thị trường tiềm năng, với mức độ phát triển mạnh mẽ trong tương lai gần. Khi mà nhu cầu NHTM Việt Nam chưa tận dụng hết lợi thế này thì nhu cầu Ngân hàng nước ngoài sẽ sẵn sàng “tăng tốc” tấn phá vào thị trường này.

## **2. Sự cạnh tranh từ các Ngân hàng nước ngoài.**

Nền kinh tế Việt Nam đang mở cửa và thu hút đầu tư, trong đó có những lợi ích và cả những thách thức. Chính sách thu hút đầu tư đang được thực thi, khi không ít nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đang đổ xô vào ngành dịch vụ này. Những con số của các NHTM nước ngoài khác, tiềm năng sinh lợi của ngành NH Việt Nam và những thách thức giá cao và hạn chế sẵn có vào

bằng cách mua c phí u NH v i giá cao hơn hẳn thị trường và cam kết giữ bó lâu dài.

Từ ngày 1/4/2007, theo lộ trình cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Việt Nam sẽ mở cửa, cho phép các ngân hàng ngoại lập ngân hàng con 100% vốn. Ngay sau đó, Ngân hàng Nhà nước đã tiếp nhận 3 hồ sơ xin thành lập ngân hàng con 100% vốn nước ngoài của các ngân hàng HSBC, ANZ và Standard Chartered Bank. 4 ngân hàng khác khu vực châu Á cũng đã nộp đơn xin thành lập, song chưa hoàn chỉnh hồ sơ. Và hai tập đoàn tài chính và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chấp thuận và miễn nguyên tắc thành lập ngân hàng con 100% vốn nước ngoài là HSBC và Standard Chartered Bank (SCB) cho biết, đang ráo riết hoàn tất các thủ tục còn lại trong NHNN xin giấy phép thành lập, vì mong muốn tiếp cận thị trường tiêu dùng Việt Nam mạnh mẽ. Bên cạnh đó, để thêm các chi nhánh, phòng giao dịch, các ngân hàng 100% vốn ngoại đang xây dựng nhiều kế hoạch, chiến lược phát triển các sản phẩm tài chính bán lẻ.

Ngoài ra các Ngân hàng nước ngoài còn xâm nhập Việt Nam thông qua mua cổ phần của các Ngân hàng thương mại cổ phần. Tính đến năm 2007, đã có 4 ngân hàng nước ngoài mua lại cổ phần của các ngân hàng Việt Nam là ngân hàng OCBC của Singapore, mua 10% cổ phần của VP Bank với giá 15,7 triệu USD; Standard Chartered mua lại 8,56% cổ phần của ACB với giá 22 triệu USD, ANZ chi 27 triệu USD để mua 10% cổ phần của Sacombank và HSBC chi ra 17,3 triệu USD mua 10% Techcombank, Deutsche Bank đã mua lại 20% cổ phần của ngân hàng Habubank của Việt Nam. Các ngân hàng nước ngoài hiện đang mua cổ phần của các ngân hàng bán lẻ tại Việt Nam (cụ thể số lượng chi nhánh của các ngân hàng: VP: 86, ACB: 25, Sacombank: 95, Techcombank: 112). Theo Hiệp hội ngân hàng, hiện nay có khoảng 10 ngân hàng thương mại cổ phần đã hoàn thành việc bán cổ phần cho các tác nhân nước ngoài và còn số này chưa phải là cuối cùng. Đến cuối năm 2007, ngân hàng HSBC quyết định nâng tỷ lệ cổ phần sở hữu Techcombank lên 15% với tổng giá trị cổ phần sở hữu ước tính 33,7 triệu USD và hiện tại HSBC vẫn đang chờ chính phủ Việt Nam cho phép nâng tỷ lệ sở hữu Techcombank lên 20%. Citibank đã tính toán và đầu tư vào ngân hàng Đông Á. Và mới đây nhất là hợp tác chiến lược giữa ABBank (Việt Nam) và Maybank (Malaysia). Maybank góp 15% vốn vào (với tổng

tr giá 2.138 t ng) tr thành c ông chi n l c n c ngoài c a ABBANK. Và trong t ng lai, Maybank s mua thêm 5% c ph n c a ABBANK nâng t l c ph n s h u lên 20% khi c Chính ph Vi t Nam ch p thu n. Vi c m t nh ch tài chính n m trong top 200 NH l n nh t th gi i mua c phí u c a ABBANK v i giá g p 5 l n m nh giá cho th y, ABBANK c ánh giá r t cao v ti m n ng phát tri n trong t ng lai.

T nay n 2010, các ngân hàng n c ngoài có k ho ch phát tri n m nh trên các l nh v c: D ch v th tr ng tài chính, d ch v th và tài tr th ng m i, c bi t là ho t ng NH bán l vì h ánh giá r t cao ti m n ng th tr ng g n 85 tri u dân c a Vi t Nam.

Hi n HSBC và Standard Chartered là 2 NH ã i u tri n khai các d ch v NH bán l , b c u là các s n ph m qu n lý tài s n, giao d ch cho DNN&V và các cá nhân. Trong chi n l c phát tri n s n ph m tài chính bán l c a HSBC khi có ngân hàng con, th tín d ng c xem là công c mà Ngân hàng t m i quan tâm hàng

u. V i 2 lo i, Visa vàng và Visa chu n, th tín d ng HSBC v i công ngh chip, c ch p nh n t i h n 30 tri u i m bán l thành viên trong h th ng th Visa trên kh p th gi i và 15.000 i m t i Vi t Nam. ây là m i c nh tranh l n i v i các ngân hàng trong n c, vì th tín d ng HSBC không yêu c u ch th ph i ký qu hay th ch p.

Th i gian t i các NH này s gi i thi u các s n ph m khác nh cho vay tiêu dùng, th tín d ng, cho vay th ch p h ng t i khách hàng cá nhân (ng i n c ngoài ang s ng và làm vi c t i VN, ng i VN có thu nh p cao), tín d ng cho DNNVV... ng th i s tri n khai cung c p các s n ph m hi n i nh : giúp các DN VN ti p c n th tr ng v n qu c t ; th c hi n các giao d ch hoán i (lãi su t, hoán i các ng ti n) và các công c phái sinh khác giúp khách hàng gi m r i ro trong ho t ng tài chính; tín d ng hàng hoá... V i nh ng danh m c s n ph m, d ch v tuy không nhi u nh ng rõ ràng là v t tr i so v i kh n ng c a các NH n i a. Nh v y, các ngân hàng n c ngoài ang c nh tranh b ng ph ng châm không cung c p nhi u d ch v mà cung c p các d ch v t t h n. ây c ng là m t nhân t thúc y các NH trong n c ph i nhanh chóng tri n khai các d ch v NH hi n i rút ng n kho ng cách trong cu c c nh tranh.



Hoạt động mua lại và sáp nhập sẽ là một lĩnh vực phát triển với tốc độ nhanh trong bối cảnh tự do hóa hoạt động ngân hàng theo các cam kết với WTO. Các chuyên gia ngân hàng nước ngoài dự đoán trong vòng 10 năm tới, Việt Nam sẽ còn mất nhiều ngân hàng so với hiện nay. Nhưng với sáp nhập tự nhiên sẽ khiến một vài ngân hàng không còn tồn tại và không phải ai cũng mong muốn điều này. Một số ngân hàng như Cho Ngân hàng vẫn còn cần tìm kiếm lợi nhuận trong điều kiện nền kinh tế đang chuyển đổi hiện nay. Tuy vậy họ quên rằng hoạt động ngân hàng Việt Nam đang thiêu thiếu vốn trung hạn, đó là công việc bất làm ngân hàng trong tình hình hiện tại.

Trước sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt của các Ngân hàng nước ngoài cùng nhau giành giật các Ngân hàng trong nước nên 1 Ngân hàng mua lại và phát triển bản thân và củng cố nền tảng tài chính mạnh, khuyến khích và đầu tư hành động, nâng nhân sự chuyên môn và có công nghệ nghiệp vụ. Hiện nay Việt Nam cũng có một số Ngân hàng có thể áp dụng các tài chính và có nhu cầu nhân sự giống như Vietcombank, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu... đây cũng là những Ngân hàng đang có sự phát triển các hoạt động dịch vụ và thị trường phân chênh lệch lợi nhuận thu được từ hoạt động tín dụng. Hơn nữa, các Ngân hàng thương mại Việt Nam cũng có những lợi thế nhất định so với các Ngân hàng nước ngoài như: am hiểu địa phương, nắm bắt tâm lý người Việt... Tuy nhiên có thể trở ngại và phát triển trong điều kiện nền kinh tế đang gặp nhiều khó khăn hiện nay đòi hỏi Ban lãnh đạo các Ngân hàng phải có tầm nhìn và khuyến khích đầu tư.

#### **D. C PHÍ U NGÀNH NGÂN HÀNG**

##### **1. Xu hướng phí u ngành ngân hàng trong thời gian vừa qua.**

Giai đoạn từ cuối 2006 đến hết tháng 10 năm 2007 phí u Ngân hàng cũng mang danh là “c phí u vua” (có đôi chút sự gì m trong những tháng gần năm 07 do bị nền chung c ảnh hưởng), là một trong những c phí u hàng đầu của các nhà đầu tư quan tâm và sôi động nhất trên thị trường niêm yết và OTC. Những cái tên ACB, STB...trên sân bóng giá trị bao giờ hết. Tại sàn Hà Nội, c phí u của ACB có một cơn bão bán lên tới hơn 16 lần mức giá, cá biệt có lúc lên đến gần 290.000 đồng/c phí u, gấp gần 30 lần mức giá. Thậm chí có nhiều nhà đầu tư đã bán c phí u của

các doanh nghiệp mua c phí u c a các ngân hàng vì k v ng giá c phí u c a Ngân hàng trong t ng lai s t ng cao. i u này có c là do nh ng k t qu l i nhu n h t s c n t ng c a các Ngân hàng trong n m 2006 và 2007, cùng v i s bùng n c a th tr ng ch ng khoán. H t tháng 9/2007 nhi u Ngân hàng công b ã g n t ho c t c k ho ch c a c n m, trong ó m c l i nhu n tr c thu t khá cao ã khi n cho hàng lo t c phí u ngành Ngân hàng c th tr ng niêm y t và OTC t ng m nh. T m c 64.000 ng/c phí u c a Eximbank d n t ng l ên và n ngày 9-10 m c 73.000 ng/c phí u, Ngân hàng ông Á t 55.000 ng/c phí u lên 66.000 ng/c phí u, Ngân hàng TMCP Quân i t 49.000 ng/c phí u lên 66.000 ng/c phí u, SouthernBank t 37.000 ng/c phí u lên 44.000 ng/c phí u, Ngân hàng TMCP Ph ng ông (OCB) t 37.000 ng/c phí u lên 46.000 ng/c phí u...

Giai o n t cu i n m 2007 n nay, c phí u ngành Ngân hàng không còn gi c v trí Top u c a mình n a. Giá c phí u liên t c s t gi m. Th tr ng OTC nhi u lúc óng b ng, g n nh không có s giao d ch c phí u. Giá c phí u ACB r i t trên 170,000 ng xu ng còn 96,500 ng vào ngày 10/4/2008, giá c a STB r i t 70,000 ng ngày 4/12/2007 xu ng còn 39,600 ng ngày 10/4/2008. Trên sàn OTC, c phí u VCB c a Ngân hàng Vietcombank cách ây hai tháng còn c rao bán v i giá 100.000 thì nay ã r i xu ng còn 55,000-57,000 ng. C phí u c a ông Á gi m còn 4,1 tri u, Eximbank còn 3,9 tri u ng/c phí u. Nhóm c phí u c a nh ng ngân hàng có quy mô nh giá còn r t th p, VPB ch còn 19.500 ng, Nam Á 19.000 ng, VIBBank 24.500 ng, Ph ng Nam 21.000 ng.

## **2. Nh ng nguyên nhân nh h ng t i c phí u ngành Ngân hàng.**

- Giá c phí u ngành Ngân hàng liên t c s t gi m trong th i gian v a qua tr c tiên là do tình hình chung trên th tr ng ch ng khoán. Khi n n kinh t th gi i ang có d u hi u suy thoái, l m phát Vi t Nam liên t c gia t ng và h n n a ó là h qu t t y u sau giai o n t ng tr ng quá nóng thì a ph n các c phí u u có ã s t gi m m nh.

- H n n a, chính sách th t ch t ti n t c a Ngân hàng nhà n c khi rút b t ti n kh i l u thông ch ng l m phát ã hé m c nh ng y u kém c a m t s ngân hàng. Vì v y, nhi u nhà u t ã gi m ni m tin i v i nhóm c phí u này. Cùng v i ó th i

gian và qua ngành Ngân hàng thì đang xuyên phát hành thêm cổ phiếu mới và n  
i u l theo l trình làm cho giá c phí u b pha loãng.

- Tâm lý nhà u t hi n nay h t s c n ng n . Sau m t th i gian dài và liên t c b  
“tra t n” b i à gi m c phí u trên th tr ng, nhi u nhà u t ã h t s c m t m i,  
chán n n. Không ít nhà u t ang có ý nh c g ng bán h t s c phí u ang n m  
gi rút lui kh i th tr ng.

- M t s chính sách thi u nh t quán và l trình ch a h p lý c a các c quan ch c  
n ng có th m quy n c ng khi n cho giá c phí u s t gi m .

### **3. M t s ch tiêu tài chính.**

Trên sàn OTC hi n nay, giá c a VCB ang c giao d ch m c t 55,000-57,000  
ng và v i giá tr s sách(BV) vào kho ng 19,000 ng sau khi c ph n thì P/B c a  
VCB s dao ng t 2.89-3 l n. ây là m t con s h p lý v i m t th ng hi u m nh  
trong h th ng Ngân hàng Vi t Nam.

Trên sàn niêm y t hi n nay có 2 mã c phí u thu c ngành ngân hàng ó là STB và  
ACB. ây c ng là c phí u c a 2 Ngân hàng th ng m i c ph n có c s v t tr i  
trong nhi u ho t ng kinh doanh so v i toàn h th ng Ngân hàng th ng m i c  
ph n.

❖ So sánh ch s P/E c a c phí u ngành Ngân hàng( trên sàn niêm y t) v i các  
ngành khác.

Ch s P/E bình quân hi n t i c a nhóm CP ngành Ngân hi n ang là 14.05 l n so  
v i m c bình quân toàn th tr ng là 14-15 l n. So v i giai o n th tr ng ch ng  
khoán t ng tr ng thì ch s P/E c a ngành Ngân hàng ã th p h n r t nhi u. Ch s  
bình quân ã t ng ng so v i bình quân toàn th tr ng. N u xét v t i m n ng  
trong trung và dài h n c a ngành Ngân hàng thì ây c ng c coi là m t con s h p  
d n.

❖ **S li u th ng kê c phi u niêm y t ngành Ngân hàng.**

✓ Th ng kê m c gi m giá c phi u.

TT	Mã CK	S CK niêm y t hi n t i (cp)	Giá cao nh t n m 07 ( /cp)	Giá hi n t i (10/4/08) ( /cp)	M c gi m giá (%)
1	ACB	263,005,997	182,000	96,500	53.02
2	STB	444,881,417	86,700	39,600	45.67

Nh v y c 2 mã c phi u ngành Ngân hàng niêm y t trên sàn u có m c gi m x p x 50% so v i m c giá cao nh t trong n m 2007. M c gi m này c ng t ng ng v i m c gi m trung bình c a a ph n c phi u trên th tr ng niêm y t trong th i gian v a qua. Con s này th hi n s khó kh n chung c a toàn b c phi u trên sàn niêm y t trong liên ti p nh ng t s t gi m v a qua.

✓ Th ng kê các ch s tài chính quan tr ng.

TT	Mã CK	S CK niêm y t hi n t i	ROA (%)	ROE (%)	EPS ( ng)	P/E*	P/E	G (Lnst) %	P/B
1	ACB	263,005,997	2.72	44.73	6,728	11.92	14.34	168.59	2.37
2	STB	444,881,417	2.9	33.06	2,877	10.85	13.76	172	2.1
Bình quân					4,802	11.38	14.05		2.23

*S li u d a trên BCTC n m 2007*

*P/E\*: tính theo s c phi u ang l u hành bình quân.*

*P/E: tính theo s c phi u ang l u hành hi n t i.*

Nh n xét: T các s li u trên ta có th th y c hi u qu s d ng v n và hi u qu kinh doanh c a 2 Ngân hàng thu c TOP u trong h th ng Ngân hàng th ng m i c ph n Vi t Nam. H s ROA, ROE c a c 2 ngân hàng là khá n t ng cho th y hi u qu s v n t t. Nh t c siêu l i nhu n trong n m 2007 mà EPS c a

c 2 Ngân hàng là t ng i t t. Sau m t th i gian dài liên t c s t gi m, giá c phí u c a 2 Ngân hàng trên ang là khá h p lý v i P/E bình quân th p h n P/E bình quân toàn th tr ng. ây th c s v n là nh ng mã c phí u r t ti m n ng. Dù trong n m 2008 này h a h n s còn r t nhi u bi n ng và s nh h ng n k ho ch kinh doanh c a nhi u Ngân hàng nh ng 2 Ngân hàng trên v n th hi n c m t k t qu kinh doanh áng ng c nhiên trong quý I/2008. Ngân hàng Sài Gòn Th ng Tín(Sacombank) v a công b k t qu kinh doanh quý I/2008: l i nhu n t 435 t ng, t ng 44% so v i cùng k n m 2007, t ng tài s n t 75,205 t ng, t ng 135% so v i cùng k . Ngân hàng th ng m i Á Châu c ng không ch u kém c nh khi công b con s l i nhu n 501 t ng trong quý I, t ng g p 1.2 l n so v i cùng k n m 2007.

Sacombank có c th m nh là quy mô v n và m ng l i thu c Top d n u kh i c ph n. Ngoài ra Ngân hàng này còn c bi t n v i n l c u t công ngh và phát tri n s n ph m.

V i ACB, ho t ng kinh doanh vàng sôi ng trong 2 tháng u 2008 c ng ã góp ph n không nh t o nên k t qu kinh doanh quý I n t ng. Ngoài ra ngu n thu c a ACB ang tách d n s l thu c t tín d ng, chuy n d ch m nh sang d ch v , h n ch c nh ng b t n chung trên th tr ng trong th i gian qua.

#### **4. M t s ch tiêu tài chính c a ngành Ngân hàng Trung Qu c.**

Theo báo cáo c a Ngân hàng th gi i (WB) so v i GDP, t ng giá tr th tr ng ch ng khoán c a Vi t Nam v n còn kém n và Trung Qu c là hai n c hi n có t l v t m c 100%. Hi n t ng giá tr c hai s àn c a Vi t Nam lên t i 29 t USD hay trên 40% GDP c tính cho 2007. Tuy nhiên theo ánh giá này thì ph n l n m c t ng t ng giá tr th tr ng là nh các công ty l n m i phát hành l n u vào tháng 10 - 11 n m 2007 ch không ph i do t ng giá CP.

Ch s ch ng khoán chính c a Trung Qu c CSI 300 Index ã gi m h n 20% k t tháng 10/2007 t i nay và h s P/E v n ang m c khá cao, t i g n 40 g p kho ng 2.5 l n so v i m c P/E 14-15 Vi t Nam. S chênh l ch quá l n nh v y ã khi n gi i chuyên gia và u t ch ng khoán qu c t d nh s rút kh i th tr ng Trung Qu c r t v n sang nh ng th tr ng có P/E th p h n nh Vi t Nam.

Trong ngành Ngân hàng theo s li u tham kh o, Ngân hàng ICBC c a Trung Qu c có P/B d ki n 2007 kho ng 5 l n, Bank of China kho ng 4 l n và Bank of Communications Ltd kho ng 5,7 l n. So v i cùng th i i m, ch s này c a 2 Ngân hàng th ng m i ang niêm y t t i th tr ng ch ng khoán Vi t Nam(ACB, STB) vào kho ng 3.5 l n. Nhà phân tích Fan Yanjin t i China International Capital tính toán r ng, ch s PE trung bình c a 14 ngân hàng niêm y t trên th tr ng ch ng khoán Th ng H i là 41,3.( Th i i m tháng 10/2007). H s này là r t cao so v i m c P/E trung bình ngành Ngân hàng Vi t Nam(22-27) t i cùng th i i m.

T nh ng con s trên có th th y th tr ng ch ng khoán Vi t Nam nói chung và c phí u ngành Ngân hàng th ng m i Vi t Nam nói riêng ang h p d n h n khá nhi u so v i Trung Qu c- t n c có ng h ng phát tri n kinh t khá g n so v i chúng ta.

**5. Nh n nh xu h ng nhóm c phí u ngành Ngân hàng trong th i gian t i.**

**a. Nh n nh ng n h n.**

Trong b i c nh n n kinh t th gi i ang có d u hi u suy thoái, l m phát v n li ên t c gia t ng nh hi n nay thì kh n ng th tr ng ch ng khoán ch a có c ngay s ph c h i là r t r ã r t. Di n bi n th tr ng t i n t còn nhi u ph c t p ít nhi u c ng có nh ng nh h ng nh t nh n nhóm c phí u ngành Ngân hàng. Nhà u t v n ch a nhìn th y c m t “li u thu c” m nh h tr th tr ng thì tâm lý chán n n và bán tháo c phí u có th v n còn di n ra trong ng n h n.

**b. Nh n nh trong trung và dài h n.**

S c t ng tr ng kinh t c a Vi t Nam trong nh ng n m g n ây luôn c nhi u chuyên gia, t ch c kinh t th gi i ánh giá cao. Dù r ng n n kinh t Vi t Nam ang tr i qua nh ng tháng u n m 2008 h t s c khó kh n nh ng chúng ta v n có th tin t ng vào s phát tri n b n v ng c a n n kinh t Vi t Nam trong th i gian t i p theo.

Th tr ng Ngân hàng tuy c ng ang ph i qua nh ng khó kh n chung c a n n kinh t song ây v n là m t th tr ng r t t i m n ng. S phát tri n c a th tr ng này trong t ng lai ã c r t nhi u chuyên gia kinh t hàng u th gi i nhìn ra thông qua vi c nhi u Ngân hàng n c ngoài liên t c có nh ng s u t và h p tác t i p c n v i th tr ng này.

Khi n n kinh t v t qua c nh ng khó kh n tr c m t thì th tr ng ch ng khoán s có c s kh i s c tr l i và ng nhiên c phí u ngành Ngân hàng s không ph i là ngo i l .

**E. XU T**

N n kinh t Vi t Nam trong th i gian tr c m t có th s còn nhi u bi n ng. Th tr ng ch ng khoán v n ch a có d u hi u c a s ph c h i. à suy gi m c a a ph n c phí u trên c 2 sàn v n ang ti p di n. C phí u ngành Ngân hàng có l c ng không n m ngoài xu th chung này nh t là ngành Ngân hàng l i ch u nh h ng tr c ti p t khó kh n l n nh t c a n n kinh t Vi t Nam vào lúc này (tình tr ng l m phát).

ACB, STB trên sàn niêm y t và VCB trên sàn OTC là nh ng mã c phí u khá h p d n, có nhi u u th v t tr i so v i m t s mã c phí u Ngân hàng khác. Hi n th i nh ng mã c phí u trên c ng ang có nh ng m c giá khá h p lý song v i di n bi n th tr ng hi n nay thì có th sau m t th i gian ng n, nh ng mã c phí u này s còn h p d n h n. Vì v y c n theo sát di n bi n chung c a th tr ng và nh ng mã c phí u này l a ch n th i i m u t thích h p nh m t o ra m c l i nh u n t i u.